TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 177/2018/QĐST-HNGĐ	*Phú Bình, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2018/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày: 30/12/1987;

Nơi cư trú: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 15/12/1986;

Nơi cư trú: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 25/10/2014 cho đến khi cháu A trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng *(Một triệu đồng trên một tháng)* cho anh H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về phương thức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng: Chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/12/2018.

Chị T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Kể từ ngày 31/12/2018, nếu chị T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.3.Về tài sản chung: Các bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5.Về án phí: Chị T tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000578 ngày 13 tháng 9 năm 2018. Chị T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã D, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toản